

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ XUÂN MAI GREEN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ XUÂN MAI GREEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XUAN MAI GREEN TECHNOLOGY TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: XMG ,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109142796

3. Ngày thành lập: 25/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 68, tổ 3 khu Tân Mai, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466515880

Fax:

Email: xuanmaigreen@gmail.com

Website: <http://xuanmaijsc.vn>

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây gia vị, dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
2.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
3.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
4.	Khai thác gỗ	0220
5.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
6.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
7.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Chi tiết: Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp; - Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...); - Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp; - Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng; - Hoạt động quản lý lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng; - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...); - Vận chuyển gỗ và lâm sản khai thác đến cửa rừng. - Hoạt động sơ chế gỗ trong rừng. - Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng.	0240
8.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

9.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica	0899
10.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	1104
11.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
12.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
13.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
14.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
15.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
16.	In ấn	1811
17.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
18.	Sao chép bản ghi các loại	1820
19.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
20.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
21.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
22.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
23.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
24.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
25.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất các máy sử dụng đặc biệt chưa được phân vào đâu.	2829

26.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất găng tay; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; - Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tầu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày; - Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sây, manơ canh... - Hoạt động nhồi bông thú	3290
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
28.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá	3530
29.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
30.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
32.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại Chi tiết: - Hoạt động của các phương tiện xử lý rác thải độc hại; - Xử lý và tiêu huỷ các động vật sống và chết bị nhiễm độc và các chất thải gây bệnh khác; - Tiêu huỷ rác thải độc hại; - Tiêu huỷ các hàng hóa đã qua sử dụng như tủ lạnh để loại trừ các chất thải gây hại;	3822

33.	Tái chế phế liệu (trừ loại Nhà nước cấm)	3830
34.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải; Thu gom rác thải	3900
35.	Xây dựng nhà để ở	4101
36.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời	4299
38.	Phá dỡ	4311
39.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
42.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xây dựng (chỉ trong các nhà máy, khu xử lý chất thải)	4329
43.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
44.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
45.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy liên quan xử lý chất thải Bán buôn thiết bị, máy móc phục vụ trong lĩnh vực địa tin học và môi trường	4659
49.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
50.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium);	4662
51.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
52.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn phân bón; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt...; Bán buôn bột giấy; Bán buôn đá quý; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh. Bán buôn tư liệu thiết bị, máy móc phục vụ trong lĩnh vực địa tin học và môi trường	4669

53.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
54.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai)	4723
55.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
56.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
57.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
58.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
59.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
60.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
61.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: -Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; -Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; -Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 4,7,8 Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: Xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải. Nhóm này cũng gồm: - Hoạt động chuyên chở đặc; - Cho thuê xe tải có người lái; - Vận tải hàng hóa bằng xe động vật hoặc người kéo.	4933

64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay	5229
65.	Lập trình máy vi tính	6201
66.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
67.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
68.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp. - Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web.... - Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,...) cho khách hàng.	6311
69.	Cổng thông tin (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)	6312
70.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
71.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc bản đồ (Điều 5 Nghị định 45/2015/NĐ-CP về hoạt động đo đạc và bản đồ); - Khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; Xây dựng lưới trọng lực, thiên văn, tọa độ, độ cao; Chụp ảnh, quét địa hình từ máy bay; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình đáy biển; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính; Thành lập bản đồ hành chính; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính; Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ; Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý; Thành lập bản đồ chuyên đề; át-lát địa lý; Khảo sát địa hình; đo đạc công trình; Kiểm định các thiết bị đo đạc (Điều 10 Nghị định 45/2015/NĐ-CP về hoạt động đo đạc và bản đồ) - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội- ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; -Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. ; (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng);	7110(Chính)

	- Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng); - Kiểm định xây dựng; (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng); - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng); - Quản lý dự án (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng); - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước	
72.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Chi tiết: kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế (Điều 50 nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế) -Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới (Điều 5 Nghị định 63/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới) - kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị phân tích, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. (Điều 3, Thông tư 24/2013/TT-BKHCN về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị phân tích, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	7120
73.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211

74.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật dân dụng; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật cơ khí; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật hóa học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật vật liệu và luyện kim; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật y học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật môi trường. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học môi trường; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học công nghiệp. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ nano. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật thực phẩm và đồ uống. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ khác.	7212
75.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thú y; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực lâm nghiệp; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thủy sản; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong nông nghiệp; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp khác;	7214

76.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội Chi tiết: Khảo nghiệm giống thủy sản (Điều 17 nghị định 66/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm)	7221
77.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực lịch sử và khảo cổ học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực ngôn ngữ học và văn học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực triết học, đạo đức học và tôn giáo; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nghệ thuật; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn khác;	7222
78.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường;	7320
79.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Môi giới chuyển giao công nghệ - Tư vấn chuyển giao công nghệ. - Đánh giá công nghệ. - Thẩm định giá công nghệ. - Giám định công nghệ. - Xúc tiến chuyển giao công nghệ (Điều 45 Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14) - Đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ (Điều 29 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chuyển giao công nghệ - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490
80.	Cho thuê xe có động cơ	7710
81.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
82.	Đại lý du lịch	7911
83.	Điều hành tua du lịch	7912

84.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh	8129
85.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
86.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức dịch vụ xúc tiến thương mại	8230
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
88.	Đào tạo trung cấp	8532
89.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LẠI HỮU BÌNH	6C/1 TT Phố Chùa Mới, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	001088020346	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		

2	PHẠM THỊ HỢP	Thôn Xuân An, Xã Thanh Khê, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	030156001166
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	
3	NGUYỄN THỊ MAI DƯƠNG	Xóm 2, Thôn Văn Khê, Xã Nghĩa Hương, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	017407488
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	
4	VŨ THỊ KIM OANH	48 Tổ 60, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	036184000206
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	

5	KIỀU ĐĂNG ANH	Thôn 9, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	001083032685
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	
6	PHẠM VĂN HUÂN	Khu 1, Thị trấn Thanh Hà, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	030090009398
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	
7	TRẦN LÊ KIỀU OANH	Thôn Ngọc Giả, Xã Ngọc Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	001190009524
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000	

8	NGUYỄN SONG ANH	Khu 2, Thị trấn Thanh Hà, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	143010368
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LẠI HỮU BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088020346

Ngày cấp: 30/11/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 6C/1 TT Phố Chùa Mới, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 6C/1 TT Phố Chùa Mới, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội